

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH  
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 56/2020/HS-ST

Ngày: 11-8-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH, TỈNH HÀ TĨNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thanh Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Hậu Diệu

Ông Võ Thị Hoa

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa:*** Ông Tôn Đức Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2020/TLST-HS ngày 23 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2020/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

**Bùi Thị M**, tên gọi khác: Mai, sinh ngày 10/01/1977 tại huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Tổ dân phố 8, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 04/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Bình M (đã chết) và bà Bùi Thị K; Có chồng: anh Ngô Văn Q và 03 con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giam từ ngày 15/4/2020 đến nay - *Có mặt*.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Đinh Thị H; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Tĩnh; *Vắng mặt*

**- Bị hại:**

1. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 7, xã N, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Không - *Có mặt*

2. Chị Trần Thị L1, sinh năm 1973; Trú tại: Số nhà 02, ngõ 10, đường M, tổ 9, phường P, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Nghề nghiệp: Cán bộ công chức - *Có mặt*

**- Người làm chứng:**

1. Chị Bùi Thị L2, sinh năm 1982; Trú tại: Tổ 10, thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*;
2. Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn X, xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*;
3. Chị Lê Thị Thanh H, sinh năm 1974; Trú tại: Số nhà 01, ngách 14, ngõ 152, đường V, phường L, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*;
4. Chị Hồ Thị Xuân H1, sinh năm 1982; Trú tại: Số nhà 135, đường X, tổ 7, phường B, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2020 đến ngày 27/02/2020, trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, Bùi Thị M dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của 02 người:

**1. Đối với chị Nguyễn Thị L:** Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2019, Bùi Thị M và chị Nguyễn Thị L quen biết nhau. Chị L tâm sự hiện không có việc làm và nói với M: “Chị có việc gì không cho em làm với”. Mặc dù không có nghề nghiệp nhưng M nói dối chị L là mình đang làm nghề buôn bán hoa quả, hứa hẹn sẽ cho chị L buôn bán chung để hưởng hoa hồng. Sau khi được chị L tin tưởng, Bùi Thị M bằng thủ đoạn nói dối là cần tiền để buôn bán trái cây, hoa, cây cảnh hỏi vay tiền nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản của chị L để lấy tiền tiêu xài cho cuộc sống hàng ngày và trả nợ cá nhân. Trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2020 đến ngày 18/01/2020, Bùi Thị M 12 lần chiếm đoạt tài sản của chị L tổng cộng 75.000.000 đồng (trong đó 11 lần từ 2.000.000 đồng trở lên và 01 lần dưới 2.000.000 đồng), cụ thể như sau:

*Lần thứ 1:* Ngày 02/01/2020, M hỏi vay chị L 2.000.000 đồng hẹn ít ngày sau sẽ trả. Chị L đồng ý và đưa cho M số tiền 2.000.000 đồng.

*Lần thứ 2:* Ngày 03/01/2020, M nói dối là cần tiền để đóng tiền thuê mặt bằng bán trái cây ở Chợ Hà Tĩnh rồi hỏi vay chị L số tiền 2.000.000 đồng. Chị L đồng ý và nhờ chị Bùi Thị L2 chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào tài khoản số 0201000737104 của M tại Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam.

*Lần thứ 3:* Ngày 05/01/2020, M nói dối là cần tiền để trả tiền xe chở dừa rồi hỏi vay chị L số tiền 2.000.000 đồng. Chị L nhờ em gái là chị Nguyễn Thị N chuyển vào tài khoản trên cho M 1.500.000 đồng

*Lần thứ 4:* Ngày 06/01/2020, M nói dối là cần tiền để đi Hà Nội mua cây cảnh về bán rồi hỏi vay chị L số tiền 3.000.000 đồng. Chị L đồng ý và chuyển số tiền 3.000.000 đồng vào số tài khoản trên cho M.

*Lần thứ 5:* Ngày 07/01/2020, M nói dối là đang ở Hà Nội để mua cây cảnh nhưng thiếu tiền đặt cọc rồi hỏi vay chị L số tiền 2.000.000 đồng. Chị L đồng ý và

nờ chồng là anh Trần Hữu S chuyển 1.800.000 đồng, nhờ chị Nguyễn Thị M1 chuyển 200.000 đồng vào số tài khoản trên cho M.

*Lần thứ 6:* Ngày 10/01/2020, M nói dối là cần tiền để trả tiền hoa và hứa sẽ trả tất cả số tiền M vay từ trước tới nay đồng thời sẽ chia tiền lãi buôn bán hoa cho chị L rồi nhờ chị L vay 25.000.000 đồng. Chị L đồng ý và trực tiếp đưa số tiền 25.000.000 đồng cho M ở khu vực thị trấn C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

*Lần thứ 7:* Ngày 12/01/2020, M đến phòng trọ của chị L ở phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nói dối là cần tiền để trả tiền mua dừa rồi hỏi vay chị L số tiền 5.000.000 đồng. Chị L đồng ý và đưa cho M số tiền 5.000.000 đồng.

*Lần thứ 8:* Ngày 14/01/2020, M đến phòng trọ của chị L ở phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nói dối là cần tiền để trả tiền mua trái cây về bán rồi hỏi vay chị L số tiền 15.000.000 đồng. Chị L không có đủ tiền nên chỉ đưa cho M số tiền 5.000.000 đồng.

*Lần thứ 9:* Ngày 15/01/2020, M nói dối là M đang vay 15.000.000 đồng của một người bạn để buôn bán trái cây nhưng bạn hiện có con bị tai nạn điều trị tại Hà Nội đang cần tiền rồi nhờ chị L vay 15.000.000 đồng để trả nợ cho người này. Chị L đã nhờ chị Bùi Thị L2 chuyển vào tài khoản của Bùi Thị M tổng số tiền 14.000.000 đồng.

*Lần thứ 10:* Ngày 16/01/2020, M đến phòng trọ của chị L ở phường N, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nói dối là cần tiền để trả tiền xe chở cây rồi hỏi vay chị L số tiền 2.500.000 đồng. Chị L đồng ý và đã đưa cho M số tiền 2.500.000 đồng.

*Lần thứ 11:* Ngày 17/01/2020, M nói dối là cần tiền để trả tiền cây cảnh rồi hỏi vay chị L số tiền 10.000.000 đồng và hứa trong vòng 02 ngày sẽ trả toàn bộ số tiền đã vay cho chị L. Chị L đồng ý và chuyển vào tài khoản của M số tiền 10.000.000 đồng.

*Lần thứ 12:* Ngày 18/01/2020, M nói dối là cần tiền để trả tiền xe chở hoa về bán rồi hỏi vay chị L số tiền 3.000.000 đồng. Chị L đồng ý và chuyển vào tài khoản của M số tiền 3.000.000 đồng.

Sau đó nhiều lần chị L tìm gặp M để đòi tiền nhưng M đưa ra thông tin gian dối rồi tắt máy điện thoại, đi khỏi nơi cư trú để trốn tránh chị L. Đến ngày 25/3/2020, do không liên lạc được với M và biết M đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của mình nên chị L đã làm đơn tố cáo lên Công an thành phố Hà Tĩnh.

**2. Đối với chị Trần Thị L1:** Vào ngày 15/12/2019, M đến thuê trọ nhà chị L1. Sau đó, M kết thân với chị L1 rồi nói dối là M làm nghề bán hoa quả, có 01 lô đất ở gần Bệnh viện thành phố Hà Tĩnh đang chờ làm xong thủ tục chuyển nhượng mới lấy được tiền và sẽ gửi cho chị L1 để tạo sự tin tưởng. Sau đó, M bằng thủ đoạn nói dối mục đích để vay tiền nhằm chiếm đoạt tài sản của chị L1 05 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng lấy tiền tiêu xài cho cuộc sống hàng ngày và trả nợ cá nhân, cụ thể như sau:

*Lần thứ 1:* Khoảng ngày 29/01/2020, M nói dối là mẹ của M chết, cần tiền để về lo hậu sự cho mẹ rồi hỏi vay chị L1 số tiền 4.500.000 đồng. Chị L1 đồng ý và cho M vay 4.500.000 đồng.

*Lần thứ 2:* Khoảng 2 ngày sau lần thứ nhất, M nói dối là cần tiền để mua quan tài cho mẹ rồi hỏi vay chị L1 số tiền 5.500.000 đồng. Chị L1 đồng ý và M nhờ chị Lê Thị Thanh H đến lấy tiền tại nhà riêng của chị L1. Sau đó chị H nhờ chị Hồ Thị Xuân H1 chuyển 5.000.000 đồng vào tài khoản của M còn 500.000 đồng M trả nợ cho chị H.

*Lần thứ 3:* Vào khoảng đầu tháng 2 năm 2020, M nói dối là cần tiền để chuộc xe chồng M cầm cố vì đến ngày cuối rồi nếu không trả sẽ bị mất xe và hỏi vay chị L1 số tiền 3.000.000 đồng. Chị L1 đồng ý và cho M vay số tiền 3.000.000 tại nhà riêng của chị L1.

*Lần thứ 4:* Vào thời điểm trước ngày 08/02/2020 một vài ngày, M nói dối là cần tiền để mua hàng bán vào ngày rằm tháng Giêng rồi hỏi vay chị L1 số tiền 5.000.000 đồng. Chị L1 đồng ý và đưa số tiền 5.000.000 đồng cho M.

*Lần thứ 5:* Đến ngày 27/02/2020, M nói dối chị L1 là cần tiền để lấy xe và chi tiêu rồi hỏi vay chị L1 2.000.000 đồng. Chị L1 đồng ý và đưa cho M vay 2.000.000 đồng. Chị L1 viết giấy kê khai lại toàn bộ số tiền M vay của chị L1 và yêu cầu M đến ngày 07/3/2020 phải trả toàn bộ số tiền đã vay.

Sau đó M đi khỏi phòng trọ nhà chị L1 để trốn tránh việc trả tiền cho chị L1. Đến ngày 28/5/2020, do không liên lạc được với M và biết M đã lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình nên chị Trần Thị L1 đã làm đơn tố cáo lên Công an thành phố Hà Tĩnh.

Bản cáo trạng số 58/CT-VKS-TPHT ngày 22/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo Bùi Thị M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại các điểm b, c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điểm b, c khoản 2 điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, xử phạt Bùi Thị M từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 15/4/2020. Không áp dụng hình phạt bổ sung. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự buộc bị cáo phải bồi thường cho bị hại chị Nguyễn Thị L số tiền 75.000.000 đồng, bồi thường cho bị hại chị Trần Thị L1 số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra còn đề nghị về xử lý vật chứng.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt và gửi bản luận cứ bào chữa có nội dung: nhất trí với luận tội về tội danh và điều luật áp dụng, về mức hình phạt đề nghị cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận gì với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Trong lời nói sau cùng, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Hà Tĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ ngày 02/01/2020 đến ngày 27/02/2020, trên địa bàn thành phố Hà Tĩnh, Bùi Thị M đã dùng thủ đoạn đưa ra các thông tin gian dối để hỏi vay mượn tiền rồi chiếm đoạt của chị Trần Thị L1 05 lần mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên với tổng số tiền 20.000.000 đồng; Chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L 11 lần mỗi lần từ 2.000.000 đồng trở lên và 01 lần dưới 2.000.000 đồng với tổng số tiền 75.000.000 đồng để sử dụng tiêu xài cho cuộc sống hàng ngày và trả nợ cá nhân hết. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo nêu trên đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điều 174 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có nghề nghiệp, thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản trên 5 lần, lấy đó làm nghề sinh sống và lấy khoản thu lợi từ việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản làm nguồn sống chính nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*có tính chất chuyên nghiệp*”, tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị L và chị Trần Thị L1 là 95.000.000 đồng nên phải chịu tình tiết định khung tăng nặng “*chiếm đoạt tài sản giá trị từ 50.000.000đ đến dưới 200.000.000đ*” quy định tại các điểm b, c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và gây mất trật tự an trên địa bàn. Bị cáo là người trưởng thành, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp pháp luật thực hiện hành vi phạm tội. Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhiều lần nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, gia đình thuộc hộ nghèo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[4] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án là thỏa đáng. Xét đề nghị của người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo mức án thấp nhất là chưa tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] **Về hình phạt bổ sung:** Xét bị cáo thuộc hộ nghèo nên không xử phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo.

[6] **Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại chị Nguyễn Thị L yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 75.000.000 đồng, chị Trần Thị L1 yêu cầu bồi thường số tiền 20.000.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[7] **Về xử lý vật chứng:**

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL, màu xanh đen, có gắn thẻ sim 0932327472 thu giữ tại bị cáo là công cụ, phương tiện phạm tội nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

- 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Bùi Thị M là công cụ, phương tiện phạm tội, không có giá trị kinh tế theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy;

- 01 tập hồ giấy A4 gồm 131 tờ trích sao tin nhắn điện thoại thể hiện việc vay mượn tiền giữa chị Nguyễn Thị L và Bùi Thị M thu giữ tại chị Nguyễn Thị L và 01 tờ giấy A4 thể hiện việc vay mượn tiền giữa chị Trần Thị L1 và Bùi Thị M thu giữ tại chị Trần Thị L1 là chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo nên căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Đối với chị Lê Thị Thanh H nhận tiền cho bị cáo từ chị L1 và được bị cáo trả nợ 500.000 đồng, chị Hồ Thị Xuân H1 nhận số tiền chiếm đoạt 5.000.000 đồng từ chị H để chuyển vào tài khoản cho bị cáo, xét chị H và chị H1 không biết số tiền này là do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý đối với chị H và chị H1 là phù hợp.

[9] Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị M** phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”;

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự: Xử phạt **Bùi Thị M 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam 15/4/2020;

**Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự: Buộc bị cáo Bùi Thị M phải bồi thường cho bị hại chị

Nguyễn Thị L số tiền 75.000.000 đồng, bồi thường cho chị Trần Thị L1 số tiền 20.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bị hại đối với khoản tiền trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bị cáo còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật Dân sự.

*“Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Về xử lý vật chứng:** - Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel, màu xanh đen, số IMEI 1: 358477104160104, số IMEI 2: 358477104160112 có gắn thẻ sim 0932327472 của bị cáo.

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 thẻ ATM Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Bùi Thị M, số seri thẻ 9704368616797743017;

- Căn cứ khoản 1 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu lưu giữ tại hồ sơ vụ án: 01 tập khổ giấy A4 gồm 131 tờ trích sao tin nhắn điện thoại thể hiện việc vay mượn tiền giữa chị Nguyễn Thị L và Bùi Thị M thu giữ tại chị Nguyễn Thị L và 01 tờ giấy A4 thể hiện việc vay mượn tiền giữa chị Trần Thị L1 và Bùi Thị M thu giữ tại chị Trần Thị L1.

**Về án phí:** Căn cứ điểm đ khoản 1 điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm cho bị cáo Bùi Thị M.

Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp Hà Tĩnh;
- VKSND Tp Hà Tĩnh;
- THADS Tp Hà Tĩnh;
- Công an Tp Hà Tĩnh;
- THAPT; Trại tạm giam;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thanh Huyền**